

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58/2025/DS-ST**

Ngày: 20/3/2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Trí

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh T - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 717/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2025/QĐST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Vương T1- Chuyên viên xử lý nợ, là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V (theo văn bản ủy quyền ngày 20/11/2024), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn:

+ Ông Trần Minh H, sinh năm 1996; vắng mặt

+ Bà Nguyễn Hoàng Q, sinh năm 1994; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Số C đường D, Tổ A, Khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 12/7/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện nguyên đơn Nguyễn Vương T1 thống nhất trình bày:**

Ngày 13/01/2022, giữa Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh S – Phòng giao dịch Phạm Văn H1 với ông Trần Minh H, bà Nguyễn Hoàng Q ký kết Hợp đồng cho vay số LN2201045016849, nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 900.000.000đ;
- Thời hạn vay: 96 tháng kể từ ngày tiếp theo giải ngân khoản nợ đầu tiên;
- Lãi suất: 9%/năm và cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần.

- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, số loại SantaFeTM2, số khung RLUSW81HHMN029543, số máy D4HEMH761945, biển số 61K-019.64.

- Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, số loại SantaFeTM2, số khung RLUSW81HHMN029543, số máy D4HEMH761945, biển số 61K-019.64 do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh B cấp cho ông Trần Minh H ngày 10/01/2022 theo Hợp đồng thế chấp số LN2201045016849 ngày 13/01/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng, thời gian đầu ông H và bà Q trả lãi và gốc trả đầy đủ đến ngày 15/4/2023 là ngưng cho đến nay dù đã được Ngân hàng đã tạo điều kiện về thời gian trả nợ cũng như nhắc nhở nhiều lần nhưng ông H và bà Q vẫn không trả nên buộc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

- Buộc ông Trần Minh H và bà Nguyễn Hoàng Q có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP V tính đến ngày 05/02/2025 với tổng số tiền là 1.037.230.653đ, trong đó tiền nợ gốc 766.549.863.000đ, tiền nợ lãi 261.305.653đ.

- Ngoài ra, ông Trần Minh H và bà Nguyễn Hoàng Q còn phải chịu toàn bộ các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 06/02/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng cho vay số LN2201045016849 ngày 13/01/2022 mà hai bên đã ký kết.

- Trong trường hợp ông Trần Minh H và bà Nguyễn Hoàng Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ là xe ô tô 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, số loại SantaFeTM2, số khung RLUSW81HHMN029543, số máy D4HEMH761945, biển số 61K-019.64 do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh B cấp cho ông Trần Minh H ngày 10/01/2022 theo Hợp đồng thế chấp số LN2201045016849 ngày 13/01/2022.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì ông H và bà Q có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

*** Bị đơn ông Trần Minh H và bà Nguyễn Hoàng Q:** Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng gồm thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng.

- Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

- + Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật

tổ tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn ông Trần Minh H và bà Nguyễn Hoàng Q về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền*: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về việc tham gia của đương sự tại phiên tòa*: Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Vương T1 và bị đơn ông Trần Minh H, bà Nguyễn Hoàng Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T1, ông H và bà Q theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy*:

[3.1] Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh S – Phòng giao dịch Phạm Văn H1 và ông Trần Minh H, bà Nguyễn Hoàng Q đã ký kết hợp đồng cho vay số LN2201045016849 ngày 13/01/2022; Hợp đồng thế chấp số LN2201045016849 ngày 13/01/2022.

Ngày 13/01/2022, Ngân hàng TMCP V đã giải ngân cho ông H và bà Q số tiền vay 900.000.000^d. Quá trình thực hiện hợp đồng, thời gian đầu ông H và bà Q trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng đầy đủ, đến ngày 15/4/2023 là ngưng cho đến nay.

Về phía bị đơn ông H và bà Q đã được triệu tập nhiều lần đến làm việc nhưng không đến và cũng không có bất kỳ ý kiến phản hồi nào đối với yêu cầu của Ngân hàng.

Xét thấy: Việc ông Trần Minh H, bà Nguyễn Hoàng Q ký hợp đồng cho vay và hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP V là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên có giá trị pháp lý. Do ông Trần Minh H, bà Nguyễn Hoàng Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng TMCP V từ ngày 15/4/2023 cho đến nay nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Trần Minh H, bà Nguyễn Hoàng Q trả cho ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 05/02/2025 là 1.037.230.653đ, trong đó tiền nợ gốc 766.549.863.000đ, tiền nợ lãi 261.305.653đ là có căn cứ để chấp nhận.

Từ ngày 06/02/2025, bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi cho nguyên đơn trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số LN2201045016849 ngày 13/01/2022 cho đến khi thi hành án xong.

[3.2] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để bảo đảm cho khoản vay trên, Ngân hàng TMCP V với ông H, bà Q đã ký kết Hợp đồng thế chấp số LN2201045016849 ngày 13/01/2022 với tài là 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, số loại SantaFeTM2, số khung RLUSW81HHMN029543, số máy D4HEMH761945, biển số 61K-019.64 do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh B cấp cho ông Trần Minh H ngày 10/01/2022.

Xét thấy, hợp đồng thế chấp mà hai bên ký kết là toàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại các điều 318, 319 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 4 và Điều 5 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm nên phát sinh hiệu lực.

Do ông H và bà Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ tháng 02/7/2024 đến nay nên trường hợp bà Q và ông H không trả được số tiền nợ cho ngân hàng hoặc trả không đầy đủ thì ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp như đã nêu trên để đảm bảo việc thu hồi nợ.

[3.3] Trường hợp ông H và bà Q trả xong khoản nợ mà không phải qua xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng TMCP V có trách nhiệm trả lại cho ông H và bà Q 01 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61026917 do Phòng C - Công an tỉnh B cấp cho ông Trần Minh H ngày 10/01/2022.

[4] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, các điều 95, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ các điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;

- Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn ông Trần Minh H, bà Nguyễn Hoàng Q về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

- Buộc ông Trần Minh H, bà Nguyễn Hoàng Q có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến ngày 05/02/2025 là 1.037.230.653đ (Một tỷ không trăm ba mươi bảy triệu hai trăm ba mươi nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc 766.549.863.000đ (Bảy trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng), nợ lãi 261.305.653đ (Hai trăm sáu mươi một triệu ba trăm lẻ năm nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng) theo Hợp đồng cho vay số LN2201045016849 ngày 13/01/2022.

Kể từ ngày 06/02/2025 đến khi thi hành án xong, ông Trần Minh H và bà Nguyễn Hoàng Q còn phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LN2201045016849 ngày 13/01/2022 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V và ông Trần Minh H, bà Nguyễn Hoàng Q.

- Trường hợp ông Trần Minh H, bà Nguyễn Hoàng Q chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP V được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành bán đấu giá tài sản thế chấp để

thu hồi nợ ô tô 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, số loại SantafeTM2, số khung RLUSW81HHMN029543, số máy D4HEMH761945, biển số 61K-019.64 do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh B cấp cho ông Trần Minh H ngày 10/01/2022 theo Hợp đồng thế chấp LN2201045016849 ngày 13/01/2022 để thu hồi nợ.

- Trường hợp ông H và bà Q trả xong khoản nợ mà không phải qua xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng T2 có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông H và bà Q 01 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61026917 do Phòng C - Công an tỉnh B cấp cho ông Trần Minh H ngày 10/01/2022.

2. Về án phí sơ thẩm:

+ Ông Trần Minh H, bà Nguyễn Hoàng Q phải liên đới chịu số tiền 43.117.000đ (Bốn mươi ba triệu một trăm mười bảy nghìn đồng).

+ Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền 20.531.000đ (Hai mươi triệu năm trăm ba mươi một nghìn đồng) đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu số 0002322 ngày 09/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục thi hành án dân sự TP TDM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Hằng